TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/DS - PT
Ngày 04-4-2019
V/v Tranh chấp quyền sở hữu tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các thẩm phán: 1. Bà Ngô Thị Hà

2. Bà Hoàng Lan Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:***

Bà Thiều Thị Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2018/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyệnT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Mạnh T - Sinh năm: 1970

Chị Đặng Thị H - Sinh năm: 1970

Cùng cư trú tại: Thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

2. Bị đơn**:** Ông Trịnh Văn H - Sinh năm: 1963

Nơi cư trú: Thôn H, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Nguyễn Thiện H1 – Công ty luật TNHH T- Luật sư thuộc đoàn luật sư TP Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Trương Văn D - Sinh năm: 1971

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

3.2. Chị Đinh Thị T (vợ anh D) – sinh năm: 1971

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt. Anh D là người đại diện theo ủy quyền của chị T (Văn bản ủy quyền ngày 12/10/2016).

3.3. Bà Nguyễn Thị K (vợ ông H) – sinh năm: 1964

Địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

3.4. Ông Hà Văn T1 - Trưởng công an xã Thành Tân, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

3.5. Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Đức T2 - Chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Văn N

Địa chỉ: Thôn Đồng Phú, xã Thành Tân, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

4.2. Ông Bùi Văn C – sinh năm: 1966 Có mặt.

Địa chỉ: xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22/8/2016 và tại phiên tòa nguyên đơn vợ chồng anh Vũ Mạnh T và chị Đặng Thị H trình bày:

Vào năm 2008 ông Trương Văn D ở thôn Đ, xã C, huyện T có quyền sử dụng đất là 13.400 m2 (sau này tiến hành đo lại là 15.300 m2) mà không đủ điều kiện canh tác nên đã cho gia đình anh chị thầu lại để trồng cây keo lá chàm, thuộc cây lấy gỗ lâu năm. Sự việc này có giấy xác nhận của chủ hộ đất Trương Văn D và trưởng thôn là Bùi Văn T3 và đại diện gia đình anh chị ký 07/8/2008. Từ đó đến nay gia đình anh chị đã canh tác và trồng keo trên diện tích đất trên. Vào ngày 19/8/2013, gia đình ông D có bán diện tích đất trên cho ông Trịnh Văn H, sự việc này vợ chồng anh chị không hề hay biết. Cho đến trước ngày 12/5/2015 khi ông H tự ý khai thác 02 xe keo, khoảng 20 tấn giá khoảng 20 triệu đồng thì anh chị mới phát hiện được sự việc. Ngày 13/5/2015, ông H lại tiếp tục khai thác 01 xe keo nữa khoảng 8225 kg trị giá 8.225.000 đ (tám triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), gia đình anh chị đã ngăn chặn, hiện tại số keo và số tiền đang được chủ xưởng gỗ Hà Yến giữ. Ngày 07/5/2015, ông H lại khai thác 01 xe keo nữa bán cho công ty Xuân Sơn giá 10.780.000 đồng, do đang có tranh chấp nên hiện số tiền đang do công an xã V giữ. Số cây gia đình anh chị trồng là cây keo, sau khi ông H khai thác trên đất còn khoảng 7.000 dây keo. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông D sang ông H là quyền của ông D nhưng phải để vợ chồng anh chị khai thác số keo mà anh chị đã trồng, trong khi hợp đồng thuê đất giữa vợ chồng anh chị với ông D vẫn còn.

Nay gia đình anh chị yêu cầu ông H giao trả quyền sở hữu 7.000 cây keo còn lại chưa khai thác trên diện tích đất 15.300 m2 và yêu cầu ông H trả lại số keo đã khai thác 04 xe trị giá 38.225.000 đồng.

Tại phiên tòa, vợ chồng anh T và chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông H phải trả lại số tiền mà ông đã khai thác keo mà chỉ yêu cầu công an xã V trả lại cho anh chị số tiền đang giữ là 10.780.000 đ (Mười triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) và được sở hữu khai thác toàn bộ số keo còn lại.

Bị đơn ông Trịnh Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị KH trình bày:

Do có nhu cầu sử dụng đất để canh tác, thông qua Chi cục thi hành án dân sự huyện T ngày 19/08/2013, vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của gia đình ông Trương Văn D (Trương Công D). Cụ thể quyền sử dụng đất theo GCNQSDD số I 925233, do UBND huyện T cấp ngày 01/12/1996; thửa đất số 15; tờ bản đồ số K1 – lô 6 bản đồ giao đất lâm nghiệp; diện tích 15.300 m^2; mục đích sử dụng đất: Trồng rừng; nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; Địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Về tài sản gắn liền với đất: Rừng sản xuất (cây keo). Quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được tiến hành một cách tự nguyện, công khai, minh bạch và hợp pháp. Thể hiện trong giấy biên nhận tiền ngày 16/02/2012 và hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/08/2013. Sau khi nhận chuyển nhượng, tiếp nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, thực hiện quyền của người sử dụng đất, gia đình ông đã tiến hành canh tác, phát quang đất, trồng bổ sung cây mới và chăm sóc những cây cũ. Năm 2015 nhận thấy cây trồng trên đất đã đến kỳ khai thác, gia đình ông đã làm đơn đề nghị, gửi chủ tịch UBND xã C, Hạt kiểm lâm huyện T để khai thác và trồng lại lứa mới. Được sự chấp thuận tháng 5/2015 gia đình ông đã tiến hành khai thác cây trồng trên diện tích đất nói trên. Ngày 13/05/2015, khi đang vận chuyển số keo đã khai thác thì gia đình anh T, chị H ngăn cản không cho vận chuyển số gỗ trên đến nơi tiêu thụ, không cho gia đình ông tiếp tục khai thác với lý do: Gia đình anh T, chị H đã thầu lại toàn bộ 15.300 m^2 đất nói trên, số keo trên thuộc quyền sở hữu của anh T, chị H. Gia đình ông cho rằng: Hành vi cản trở quá trình khai thác của gia đình anh T xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Gia đình ông đề nghị xem xét để quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông được bảo đảm.

Tại bản tự khai ngày 11/10/2016, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trương Công Đ (Trương Văn D) trình bày:

Năm 2012 anh có bán một lô đất 15.300 m^2 ở thôn Đ xã C cho ông Trịnh Văn H. Vợ chồng anh chỉ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, còn cây cối trên đất vợ chồng anh chưa chuyển nhượng với lý do các cây trên đất là do vợ chồng anh cùng vợ chồng anh T, chị H góp vốn trồng keo. Khi nào thu hoạch keo chia lợi nhuận. Hai vợ chồng anh nhận của anh T, chị H 20.000.000 đồng tiền đầu tư cây giống. Khi anh bán đất vợ chồng anh T, chị H biết lúc đó anh đang nợ tiền Ngân hàng Nông nghiệp huyện T. Anh H có nhu cầu mua đất nên vợ chồng anh lúc đó cơ quan thi hành án bắt nợ nên anh đồng ý bán đất, không bán cây cối vì lúc đó giữa vợ chồng anh và vợ chồng anh T, chị H đang tranh chấp cây cối trên đất. Lúc đó anh H cũng biết việc tranh chấp cây. Sau khi thu hoạch keo thì anh H sử dụng đất. Nay anh T, chị H đề nghị thu hoạch keo, anh có ý kiến đề nghị hai bên T lượng chia đôi cho hai bên, anh không yêu cầu gì cả. Lý do anh đã chuyển nhượng

đất cho anh H nhưng đất này anh đã viết giấy cho anh Tvà chị H thầu lại để trồng keo từ tháng 8/2008.

Ông Hà Văn T1 trình bày:

Khi ông làm trưởng công an xã V. Trên địa bàn có xảy ra vụ tranh chấp cây keo giữa gia đình anh Vũ Mạnh Tvà gia đình ông Trịnh Văn H. Vào ngày 7/5/2015 ông H khai thác 01 xe keo bán cho công ty gỗ S trị giá 10.780.000đ, giữa gia đình anh T và gia đình ông H đã xảy ra tranh chấp. Do có tranh chấp và các bên đã thỏa thuận số tiền này giao cho Công an xã V giữ để chờ phán quyết của cơ quan có thẩm quyền. Nếu số keo thuộc về bên nào thì công an xã V sẽ có trách nhiệm giao số tiền này cho bên đó. Số tiền này khi đó ông là trưởng công an xã V đang giữ. Hiện nay ông đã được điều động đi làm trưởng công an xã Thành Tân và hiện tại vẫn đang giữ số tiền 10.780.000đ chờ phán quyết của Tòa án. Nếu Tòa án phán quyết cho bên nào ông sẽ có trách nhiệm chuyển tiền cho bên ấy.

Tại công văn số 34/UBND ngày 04/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã C nêu rõ nội dung: "Ngoài bản gốc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 19/8/2013 giữa anh Trương Văn D và chị Đinh Thị T với ông Trịnh Văn H và bà Nguyễn Thị K có chứng thực của UBND xã C mà UBND xã C đã cung cấp cho Tòa án, hiện tại UBND xã C không còn lưu giữ bản hợp đồng nào khác. Về mảnh đất các bên hiện nay đang tranh chấp tài sản trên đất (cây keo) là mảnh đất theo hồ sơ địa chính mang tên ông Trương Công Đ (tên thường gọi là Trương Văn D), diện tích sử dụng 15.300 m^2, tại thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, số tờ bản đồ K1 – lô 6, số thửa 15"

Người làm chứng ông Nguyễn Văn Ntrình bày:

Do gia đình ông có xe ô tô chuyên chở hàng. Trong thời gian vào tháng 5 năm 2015 ông có mua keo của ông Trịnh Văn H. Ông mua keo tại đồi nhà ông H sau đó ông vận chuyển và bán cho công ty Y. Cụ thể ông mua của ông H 03 xe keo. Ông H bán cho ông tại đồi 03 xe keo. Trọng lượng keo của cả 03 xe là 27 tấn. Mỗi tấn trị giá khoảng 620.000đ/tấn. Tổng 03 xe 27 tấn x 620.000 đ/tấn = 16.740.000đ (Mười sáu triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Ông đã trả đầy đủ số tiền này cho ông H. Sau đó ông mang số keo này bán cho công ty Y để lấy tiền lãi và trang trải các chi phí và hưởng chênh lệch. Số tiền này công ty Y đã thanh toán đầy đủ cho ông. Hiện nay giữa ông với công ty Y và ông H không còn liên quan gì với nhau. Ông và công ty Y không còn nợ số tiền nào của ông H cả.

Tại Bản án số 12/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ: Điều 164, 165, khoản 1, 2 điều 169, 255, 256, 501, 502 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 điều 26, khoản 1 điều 147, khoản 1 điều 157, khoản 1 điều 165 BLTTDS; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Mạnh T và chị Đặng Thị H:

1.1. Giao cho anh Vũ Mạnh T và chị Đặng Thị H được sở hữu toàn bộ số cây keo (3.251 cây) trên diện tích 15.300 m^2 đất tại thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, số tờ bản đồ K1 – lô 6, số thửa 15. Anh Vũ Mạnh T và chị Đặng Thị H được toàn quyền khai thác toàn bộ số cây keo trên trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để bàn giao lại đất cho vợ chồng ông Trịnh Văn H và bà Nguyễn Thị K.

1.2. Buộc ông Hà Văn T1 phải trả cho anh Vũ Mạnh T và chị Đặng Thị H số tiền đã giữ là 10.780.000đ (Mười triệu bẩy trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Văn H và bà Nguyễn Thị K phải chịu 5.415.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Vũ Mạnh T số tiền tạm ứng án phí 956.000đ (Chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng) anh T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo biên lai thu số AA/2013/03925 ngày 08/8/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 27/11/2018, bị đơn là ông Trịnh Văn H kháng cáo, với nội dung:

- Tuyên hủy bản án sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Giao toàn bộ số cây trên đất mà gia đình ông đã mua và lâu nay chăm sóc của gia đình ông D, bà T cho gia đình ông là chủ sở hữu.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 2 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Văn H, sửa bản án sơ thẩm về án phí và lời tuyên về việc nguyên đơn rút một phần nội dung khởi kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét các nội dung kháng cáo:

Năm 2008, vợ chồng anh Vũ Mạnh T và chị Đặng Thị H thầu lại khu đất của vợ chồng anh Trương Văn D để trồng cây keo trên diện tích 15.300 m^2 đất tại thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, số tờ bản đồ K1 – lô 6, số thửa 15 là thực tế (BL số 18, 19).

Ông Trịnh Văn H khẳng định vợ chồng ông đã nhận chuyển nhượng cả quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của vợ chồng ông Trương Văn D. Ông H cung cấp cho Tòa án bản Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, có xác nhận của công chứng viên Bùi Văn C, nhưng thực tế thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng năm 2013 thì ông Bùi Văn C là chủ tịch xã chứ không phải công chứng viên. Biên bản lấy lời khai ông C ngày 19/3/2019 và

tại phiên tòa phúc thẩm ông C thừa nhận có ký hai hợp đồng nhưng ông C khẳng định hợp đồng lưu tại xã là hợp đồng chính xác với bản chất các bên chuyển nhượng đất chứ không chuyển nhượng cây, còn hợp đồng ông C ký với chức danh công chứng viên chỉ là thủ tục để hoàn thiện tạo điều kiện cho công dân giao dịch thuận lợi. Mặt khác, bản hợp đồng do UBND xã C cung cấp là bản chính đã được tư pháp và địa chính xã thẩm định, có nội dung chỉ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không có nội dung chuyển nhượng tài sản trên đất. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H thừa nhận bản hợp đồng lưu tại xã là bản ký cuối cùng. Vợ chồng người chuyển nhượng đất là ông Trương Văn D khẳng định chỉ chuyển nhượng đất, không chuyển nhượng tài sản trên đất vì tài sản trên đất là cây keo là của vợ chồng ông T, bà H đã thầu lại và trồng cây keo trên đất từ những năm 2008, 2009. Trong hồ sơ vay vốn ngân hàng chỉ thế chấp đất ở, đất 02 mà không có thế chấp tài sản trên đất là cây keo. Do đó bản hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản ông H cung cấp cho Tòa án không có giá trị pháp lý.

Từ những phân tích trên không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Văn H.

[2]. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn yêu cầu bị đơn giao trả quyền sở hữu 7.000 cây keo còn lại chưa khai thác trên diện tích đất 15.300 m2 và yêu cầu ông H trả lại số keo đã khai thác 04 xe trị giá 38.225.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó nguyên đơn rút khoản tiền 27.445.000đ mà ông H đã bán keo. Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo khoản 2 Điều 244 của BLTTDS là chưa chính xác; nên cần bổ sung tại bản án phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Vụ án này xác định ai là người sở hữu tài sản đang tranh chấp. Tòa án xác định tài sản đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu của ông T, bà H nên nên ông H phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000đ; do đó cần phải sửa phần án phí của bản án dân sự sơ thẩm; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kháng cáo của ông H không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng ông H đã nộp; căn cứ khoản 2 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Căn cứ vào Điều 164, 165, khoản 1, 2 điều 169, 255, 256, 501, 502 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 điều 26, khoản 1 điều 157, khoản 1 điều 165; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ôngTrịnh Văn H, sửa bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T về án phí và lời tuyên về việc nguyên đơn rút một phần nội dung khởi kiện.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Mạnh T và chị Đặng Thị H.

Giao cho anh Vũ Mạnh T và chị Đặng Thị H được sở hữu toàn bộ số cây keo (3.251 cây) trên diện tích 15.300 m^2 đất tại thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, số tờ bản đồ K1 – lô 6, số thửa 15. Anh Tvà chị H được toàn quyền khai thác toàn bộ số cây keo trên trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để bàn giao lại đất cho vợ chồng ông Trịnh Văn H và bà Nguyễn Thị K.

Buộc ông Hà Văn T1 phải trả cho anh Vũ Mạnh T và chị Đặng Thị H số tiền đã giữ là 10.780.000đ (Mười triệu bẩy trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền 27.445.000đ.

3. Về án phí: Ông Trịnh Văn H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ ông H đã nộp theo biên lai thu số 0003485 ngày 27/11/2018 của Chi cục THADS huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Ông H còn phải nộp 300.000đ án phí DSST.

Trả lại cho anh Vũ Mạnh T số tiền tạm ứng án phí 956.000đ (Chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng) anh Tđã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo biên lai thu số AA/2013/03925 ngày 08/8/2016.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Thủy